

# LIỆU CÓ SỰ THAY ĐỔI VỀ XU HƯỚNG SUY DINH DƯỠNG TẠI VIỆT NAM HAY KHÔNG?

*Lê Danh Tuyên<sup>1</sup>, Lê Thị Hợp<sup>2</sup>, Lê Nguyễn Bảo Khanh<sup>3</sup>, Nguyễn Hồng Trường<sup>4</sup>*

Suy dinh dưỡng (SDD) trẻ em vẫn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Nghiên cứu này được tiến hành trong khuôn khổ thiết kế của nghiên cứu SEANUTS nhằm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em Đông Nam Á. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 3600 trẻ từ 6 tháng đến 11 tuổi. Trẻ em được cân, đo, điều tra khẩu phần và hoạt động thể lực. Xác định tình trạng dinh dưỡng của trẻ dựa vào phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) sử dụng chuẩn tăng trưởng WHO 2007. **Kết quả:** Tỷ lệ trẻ em SDD nhẹ cân vùng thành thị là 10,8%, vùng nông thôn là 20,8%. Bên cạnh đó, xu hướng thừa cân, béo phì (TCBP) cũng cho thấy gia tăng đáng báo động, có đến 29% trẻ TCBP ở thành thị và 5,6% trẻ TCBP ở vùng nông thôn. **Kết luận:** Có sự tồn tại đồng thời cả hai vấn đề suy dinh dưỡng và TCBP ở trẻ em, khác biệt theo vùng, với tỷ lệ SDD cao ở vùng nông thôn và TCBP tập trung chủ yếu ở vùng thành thị. Cần định hướng các chương trình can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em ở vùng nông thôn và phòng chống TCBP cho trẻ em, đặc biệt ở khu vực thành thị. Sự gia tăng nhanh TCBP ở vùng thành thị là vấn đề sức khỏe cộng đồng quan trọng cần được can thiệp sớm.

**Từ khóa:** *suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì, Việt Nam.*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy dinh dưỡng ở trẻ em làm ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ và có thể ảnh hưởng đến thế hệ tương lai. Suy dinh dưỡng và gây ra ảnh hưởng lâu dài về phát triển kinh tế - xã hội [1]. Ước tính có khoảng 150 triệu trẻ em trước tuổi đi học trên thế giới bị suy dinh dưỡng. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng 2011-2020 đã đề ra mục tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em [1] [2]. Mặc dù trong thập kỷ qua, Việt Nam đã được UNICEF/EAPRO xếp là một trong những quốc gia giảm suy dinh dưỡng nổi bật nhất trong khu vực, suy dinh dưỡng vẫn còn là một vấn đề sức khỏe cộng đồng quan trọng rất được quan tâm. Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em được xem là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu trong các văn kiện

của chính phủ, nhưng tỷ lệ thấp còi toàn quốc vẫn ở mức cao, gần 30% năm 2010 [2] [3].

Kết quả một số cuộc điều tra gần đây cho thấy có tình trạng thừa dinh dưỡng ở trẻ em và người trưởng thành ở Việt Nam. Thừa cân béo phì đã trở thành vấn đề sức khỏe cộng đồng tại Việt Nam. Điều tra hàng năm của Viện Dinh dưỡng trước năm 1995 cho thấy tình trạng thừa cân, béo phì không phải là vấn đề sức khỏe cộng đồng. Các nghiên cứu tiến hành ở các thành phố lớn cho thấy có sự gia tăng nhanh theo thời gian của vấn đề thừa cân, béo phì. Thậm chí tình trạng thừa cân cũng đã được quan sát thấy rõ ngay cả ở trẻ em dưới 5 tuổi trong số liệu điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm [2] [3].

Trong báo cáo này, chúng tôi mô tả

<sup>1</sup>PGS. TS. – Viện Dinh dưỡng  
Email: ledanhtuyen@gmail.com

<sup>2</sup>GS.TS. – Hội Dinh dưỡng VN

<sup>3</sup>TS. – Viện Dinh dưỡng

<sup>4</sup>Ths. – Viện Dinh dưỡng

Ngày nhận bài: 1/12/2015

Ngày phản biện đánh giá: 31/12/2015

Ngày đăng bài: 30/1/2016

những thay đổi về tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em Việt Nam dựa trên kết quả điều tra của hai cuộc Tổng điều tra dinh dưỡng do Viện Dinh dưỡng Quốc gia tiến hành và điều tra gần đây của SEANUTS. Nghiên cứu này nhằm giúp xác định nhóm ưu tiên và hành động cho các chương trình can thiệp dựa trên cộng đồng có hiệu quả.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Số liệu được phân tích trong báo cáo dựa vào kết quả điều tra của 3 nghiên cứu:

1. Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2000;
2. Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2010;

## III. KẾT QUẢ

**Bảng 1. Số lượng trẻ và tuổi của trẻ tham gia các cuộc điều tra (a)**

Tuổi (năm)	Năm		
	2000	2010	2011
0,5 - 1,9	50,734	50,068	284
2,0 - 4,9	65,957	66,323	607
5 - 11	6,515	10,163	1,955
Tổng số	123,206	126,554	2,846

a) Năm 2000 và 2009: mẫu được chọn dựa vào mẫu toàn quốc (Tổng điều tra dinh dưỡng); Năm 2011 theo điều tra SEANUTS.

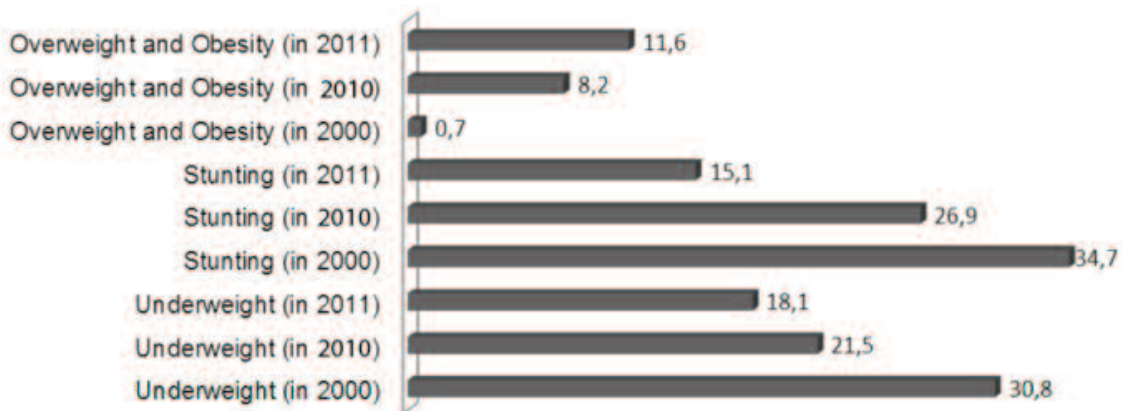
**Bảng 2. Tỷ lệ suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì (2000 - 2011)**

Năm		Thành thị	Nông thôn	Miền núi	Toàn quốc
2000	Nhẹ cân	21,6	30,8	39,7	30,8
	Thấp còi	24,4	35,7	42,3	34,7
	Thừa cân và Béo phì	0,9	0,5	0	0,7
2010	Nhẹ cân	11,0	20,9	28,7	21,5
	Thấp còi	15,8	26,2	29,2	26,9
	Thừa cân và Béo phì	14,8	6,2	2,0	8,2
2011	Nhẹ cân	10,8	20,8	---	18,1
	Thấp còi	8,3	20,1	---	15,1
	SEANUTS Thừa cân và Béo phì	29,0	5,6	---	11,6

Bảng 1 mô tả nhóm tuổi và số lượng trẻ trong mỗi nhóm tuổi của ba cuộc điều tra. Bảng 2 trình bày tỷ lệ thiếu dinh dưỡng và thừa cân, béo phì ở trẻ em từ 0,5 đến 11 tuổi trong ba cuộc điều tra quốc gia từ năm 2000 đến 2011. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi ở trẻ em giảm dần từ năm 2000. Tính trung bình, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm 1,1% mỗi năm trong thập kỷ 2000-2010. Tỷ lệ thấp còi giảm trung bình 1% mỗi năm trong giai đoạn từ 2000 đến

2010. Không có sự khác biệt về tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ trai và trẻ gái.

Bảng 2 cũng mô tả tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân và béo phì ở thành thị, nông thôn và miền núi trong các cuộc điều tra giai đoạn 2000 - 2011. Kết quả cho thấy tình trạng dinh dưỡng trẻ em đã được cải thiện rõ rệt nhất ở vùng thành thị và cải thiện ở mức độ thấp hơn ở các khu vực nông thôn và miền núi.



**Hình 1. Xu hướng thiếu dinh dưỡng và thừa cân béo phì của trẻ em Việt Nam.**

**Bảng 3: Tỷ lệ thiếu dinh dưỡng của trẻ em 0,5-11 tuổi theo giới**

Tỷ lệ trẻ 0,5-11 tuổi nhẹ cân (cân nặng theo tuổi << -2Z), thấp còi (chiều cao theo tuổi <-2 Z) theo giới.

Chỉ số nhân trắc	Trai		Gái		Toàn quốc	
	Tỷ lệ (%) [95% CI*]	N	Tỷ lệ (%) [95% CI*]	N	Tỷ lệ (%) [95% CI*]	Tổng số
<b>Nhẹ cân</b>						
<b>2000</b>	31,2 [29,2; 33,2]	19.200	30,6 [28,7; 30,6]	18.870	30,8 [28,9;32,3]	123.206
<b>2010</b>	21,6 [19,8;23,]		21,4 [19,6;23,2]		21,5 [19,7;23,3]	126.554
<b>2011</b>	20,0 [8,408;40,61]	179	16,2 [7,734;30,91]	161	18,2 [8,245;35,41]	2846
<b>Thấp còi</b>						
<b>2000</b>	35,1 [33,1; 37,1]	21.601	34,3 [32,4; 36,3]	21.107	34,7 [32,7; 36,7]	123.206
<b>2010</b>	27,6 [25,8;29,4]	13.667	26,2 [24,4;28,0]	13.541	26,9 [25,0;28,8]	126.554
<b>2011</b>	17,1 [6,2;39,33]	179	12,9 [3,701;36,35]	158	15,1 [4,942;37,67]	2.846

Quyền số theo tỉnh và điều chỉnh theo sự khác biệt dân số của tỉnh ; \* Khoảng tin cậy

**Bảng 4: Tỷ lệ thừa cân béo phì của trẻ em 0,5-11 tuổi theo giới**

Tỷ lệ trẻ 0,5-11 tuổi thừa cân (BMI theo tuổi  $>+2Z$ ) hoặc béo phì (BMI theo tuổi  $>+3Z$ ) theo giới.

Chỉ số nhân trắc	Trai		Gái		Toàn quốc	
	Tỷ lệ (%) [95% CI*]	N	Tỷ lệ (%) [95% CI*]	N	Tỷ lệ (%) [95% CI*]	Tổng số
<b>Thừa cân</b>						
<b>2000</b>	0,9 [0,02;1,82]	6160	0,3 [0,00;2,06]	185	0,5 [0,0;3,5]	123.206
<b>2010</b>	9,7 [7,2;11,3]	12.276	5,0 [3,01; 7,01]	6.328	5,9 [0,09;10,03]	126.554
<b>2011</b>	6,1 [2,338;14,88]	116	7,2 [2,33;20,04]	139	6,6 [2,408;16,88]	2.846
<b>Béo phì</b>						
<b>2000</b>	0,2 [0,0;2,6]	123.206	0 [0,0;0,0]	0	0,2 [0,0;2,6]	123.206
<b>2010</b>	3,2 [2,63;3,93]	2025	1,8 [1,31;2,42]	1139	2,3 [1,06;3,54]	126.554
<b>2011</b>	7,0 [1,878;22,64]	166	2,9 [,7631;10,12]	69	5,0 [1,346;16,69]	2.846

Quyền số theo tỉnh và điều chỉnh theo sự khác biệt dân số của tỉnh ; \* Khoảng tin cậy

Kết quả ở hình 1, bảng 2, bảng 3 và bảng 4 cho thấy tình trạng dinh dưỡng của trẻ em ở khu vực thành thị đã được cải thiện rõ nét và trẻ em ở các khu vực nông thôn, miền núi có mức độ cải thiện ít hơn. Tuy nhiên, số liệu điều tra tình trạng dinh dưỡng của trẻ em 0,5-11 tuổi ở Việt Nam cho thấy suy dinh dưỡng vẫn là một vấn đề quan trọng về sức khỏe cộng đồng, và tình trạng thừa cân và béo phì đang tăng lên ở Việt Nam, đặc biệt là vùng thành thị.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi  $<-2$  Z-score), thấp còi (chiều cao theo tuổi  $<-2$  Z-score) ở trẻ em 0,5-11 tuổi trong 10 năm qua được mô tả trong hình 1. Trong giai đoạn 10 năm từ 2000 đến 2010, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi giảm dần. Đến năm 2010, tỷ lệ trẻ nhẹ cân đã giảm đáng kể khoảng 12% so với năm 2000. Tỷ lệ giảm trung bình là 1,2% / năm trong 10 năm qua. Như đã mô tả trong Bảng 4, tỷ lệ thừa cân và béo phì ở trẻ em từ 0,5 đến

11 tuổi là 11,6%, và tỷ lệ béo phì (cân nặng theo chiều cao  $>+3$  Z-score) là 5%. Những kết quả này cho thấy tỷ lệ thừa cân / béo phì ở trẻ em là 11,6%, và tỷ lệ này lên tới 29% trong các khu vực đô thị (Bảng 2 và Bảng 4).

#### IV. BÀN LUẬN

Hàng năm các tổ chức quốc tế như WHO, UNICEF và FAO đưa ra chỉ số phát triển của trẻ để đo sự phát triển của trẻ dựa trên các chỉ số trong đó có ba tiêu chí: Số trẻ em đến trường, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi và số trẻ em nhẹ cân.

Trong khi 2 chỉ số về tử vong và khuyến khích trẻ đến trường dường như đang được cải thiện rõ rệt ở phạm vi toàn cầu, thì vấn đề suy dinh dưỡng (SDD) thể hiện ở số trẻ nhẹ cân lại không thể hiện xu hướng rõ ràng trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2012, thậm chí còn gia tăng. Tại các nước Đông Á, tỷ lệ trẻ em SDD thể nhẹ cân tăng xấp xỉ 17%.

Phát hiện này được công bố trong bối cảnh giá cả nói chung trong đó có giá thực phẩm tăng một cách bất ổn định, khiến cho các gia đình càng gặp khó khăn hơn trong việc nuôi dưỡng con cái một cách hợp lý. Theo thống kê của FAO hiện nay tỷ lệ SDD toàn cầu là 14% và số người SDD là 850 triệu. Ở Việt Nam, theo số liệu Tổng điều tra dinh dưỡng, tính số SDD chung là 11% dân số, có khoảng 9,7 triệu người ở trong tình trạng SDD.

Riêng với trẻ em, năm 2011, FAO thống kê các nước mà giá cả tăng đồng thời SDD tăng lên gồm có Madawi, Afghanistan, Uganda, Modambia, Bangladesh...; trong khi đó các nước có mức giá cả tăng nhưng SDD trẻ em vẫn giảm gồm Việt Nam, Thailand, Brasil...

Tuy vậy, nguy cơ SDD vẫn đang tồn tại ở Việt Nam. Năm 2012, cả nước có 450,3 nghìn lượt hộ thiếu đói, tuy có giảm 27,6% so với năm 2011, nhưng vẫn tương ứng với 1911,8 nghìn lượt nhân khẩu bị thiếu đói.

Một điểm đáng lưu ý là tình trạng thừa cân, béo phì (TCBP) vẫn tiếp tục gia tăng từ năm 2000 đến nay, bất chấp những khó khăn về kinh tế đang diễn ra. Điều này càng chứng tỏ việc nuôi dưỡng con cái không hợp lý vẫn đang tồn tại như một thách thức không nhỏ.

Hơn 10 năm qua, tỷ lệ thiếu dinh dưỡng trong đó có SDD thể thấp còi đã giảm rõ rệt, nhưng tốc độ giảm khác nhau giữa các vùng trong cả nước. Khu vực thành thị có tốc độ giảm nhanh nhất về tỷ lệ suy dinh dưỡng ở ba thể (Bảng 3). Khu vực miền núi có tốc độ giảm suy dinh dưỡng thấp nhất. Số trẻ em phục hồi suy dinh dưỡng đã tăng lên kể từ năm 2010. Tuy nhiên, nhìn chung, thấp còi vẫn còn rất phổ biến trong tất cả các vùng, đặc biệt là ở các vùng miền núi và nông thôn

[4].

Tuy nhiên, tỷ lệ "thừa cân và béo phì" là 11,6% ở trẻ em từ 0.5-11 tuổi, và tỷ lệ béo phì là 5%. Những kết quả này cho thấy xu hướng thừa cân và béo phì đang gia tăng trong những năm gần đây ở trẻ em từ 0.5-11 tuổi (từ 0,7% năm 2000 đến 11,6% năm 2011) [4].

Năm 2004, tỷ lệ SDD nhẹ cân vùng thành thị là 21,2%, vùng nông thôn là 30,8% và vùng miền núi là 39,7%. Số liệu điều tra từ dự án SEANUTS tại 3 miền Bắc-Trung-Nam năm 2011 cho thấy tỷ lệ SDD nhẹ cân vùng thành thị là 10,8%, vùng nông thôn là 20,8%. Bên cạnh đó, xu hướng thừa cân, béo phì cũng cho thấy sự gia tăng đáng báo động. Năm 2004, vùng thành thị có 5,5% trẻ em TCBP và chỉ có 1,7% trẻ em nông thôn TCBP. Điều tra của SEANUTS cho thấy có đến 29% trẻ TCBP ở thành thị và 5,6% trẻ TCBP ở vùng nông thôn.

## V. KHUYẾN NGHỊ

Ở Việt Nam có sự tồn tại đồng thời cả hai vấn đề suy dinh dưỡng và TCBP ở trẻ em, khác biệt theo vùng. Tỷ lệ suy dinh dưỡng, bao gồm thấp còi, đã giảm đáng kể trong thập kỷ qua. Tuy nhiên, tỷ lệ thừa cân và béo phì đang gia tăng trong những năm gần đây ở trẻ em 0,5-11 tuổi. Vì vậy, trẻ em Việt Nam cần được đặc biệt quan tâm trong cuộc chiến phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trong những năm tới, mặc dù không phải luôn luôn dễ dàng để giải quyết. Các giải pháp tiếp cận toàn diện là hết sức cần thiết để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cho trẻ em Việt Nam. Cần định hướng các chương trình can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em ở vùng nông thôn và phòng chống TCBP cho trẻ em, đặc biệt ở khu vực thành thị. Sự gia tăng nhanh TCBP ở vùng thành thị là vấn đề sức khoẻ cộng

đồng quan trọng cần được can thiệp sớm.

### Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng các thành phố, tỉnh, Trung tâm Y tế các quận, huyện, Ủy ban Nhân dân xã, phường, Trạm Y tế xã, phường, các cộng tác viên, các bà mẹ và trẻ em đã giúp đỡ và tham gia nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Công ty sữa FrieslandCampina Việt Nam đã hỗ trợ kinh phí để tiến hành nghiên cứu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization (2012), *Global database on child growth and malnutrition*. Geneva: Geneva, 2012.
2. Government of Vietnam (2012), *National Nutrition Strategy 2011-2020*. Hanoi, 2012.
3. National Institute of Nutrition (2011), Vietnam: *Nutrition situation in 2010*. Hanoi, 2011.
4. UNICEF and National Institute of Nutrition (2012), Vietnam: *General Nutrition Survey 2009-2010*. Hanoi, 2012.
5. General Statistical Office (2012), *Statistical yearbook 2011*. Hanoi: Statistical Publishing House, 2012.
6. Ponce N, Gertler P, Glewwe P (1998), *Will Vietnam grow out of malnutrition?* In: Dollar D, Gewwe P, Litvack J, eds. *Household welfare and Vietnam's transition*. Washington, D.C: World Bank, 1998; 257-275.
7. General Statistical Office (2001), *Living Standards During an Economic Boom: The Case of Vietnam: Child Malnutrition*. Hanoi: Statistical Publishing House, 2001.
8. General Statistical Office (2011), *Vietnam living standard survey, 2010*. Hanoi: Statistical Publishing House, 2011.

### Summary

#### IS THERE A CHANGING TREND IN MALNUTRITION?

Under nutrition in children remains a public health issue in many countries worldwide, including Vietnam. The research is performed under SEANUTS aiming to evaluate nutrition status of Southeast Asian children. **Method:** Cross-sectional study was performed in 3,600 children aged 6 months to 11 years from 6 provinces and cities of Vietnam (Ha Noi, Ha Nam, Quang Binh, Hue City, and Ho Chi Minh City & Ben Tre). All the children participating were weighed, measured and examined of their diet and physical activity. The nutrition classification is based on WHO 2007. **Results:** As of SEANUTS results, the rate of child underweight in urban areas was 10.8%, in rural was 20.8%. Besides, the trend of overweight and obesity also shows an alarming increase, to approximately 1/3 in urban areas. **Conclusions:** Both under nutrition and obesity simultaneously exist in Vietnamese children: high rates of malnutrition in rural areas and overweight and obesity concentrate mainly in urban areas. Programs against child under nutrition in rural areas and programs on preventing obesity for children especially in urban areas should be oriented. Obesity proliferation in urban areas is an urgent public health issue that should be intervened at early phase.

**Keywords:** *malnutrition, Vietnam, stunting, overweight and obesity.*

